

Bản án số: 75/2020/HS-ST

Ngày: 28/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Huy

2. Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Long - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2020/HSST ngày 18/11/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2020/QĐXXHS – HS ngày 15 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Bị cáo **Bùi Văn C**, sinh năm 1982, Nơi cư trú: KDC X, phường H1, thị xã K, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn K1, sinh năm 1953 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1955; Tiền án, Tiền sự: Không

Nhân thân:

Tại quyết định xử lý vi phạm hành chính số 40 ngày 16/4/2007, Công an quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy.

Tại quyết định xử lý vi phạm hành chính số 41 ngày 23/8/2010, Công an huyện K xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/9/2020, sau đó được chuyển sang biện pháp tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1964. Vắng mặt

Trú tại: Q, phường P, thị xã K, tỉnh H.

2. Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1979. Vắng mặt

Trú tại: KDC K2, phường A, thị xã K, tỉnh H

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đồng Văn B, sinh năm 1976. Vắng mặt

2. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1979. Vắng mặt

Đều trú tại: KDC L, phường P, thị xã K, tỉnh H.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Huệ: Anh Đồng Văn B, sinh năm 1976, Trú tại: KDC L, phường P, thị xã K, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 30/8/2020, Bùi Văn C, đi bộ từ nhà đến chùa Ngũ Phương ở Q, phường P, thị xã K, tỉnh H, mục đích trộm cắp tài sản. Đến khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến cổng chùa Ngũ Phương, C đứng quan sát thấy cổng chùa không đóng, bên trong chùa có người đang nấu nướng nên C đi lối đường bê tông nhỏ phía bên trái cổng chùa đi vào giữa sân trước cửa chùa. C quan sát thấy gian phòng khách có đèn điện sáng, cửa mở. C đi vào thấy trên mặt bàn uống nước có 02 chiếc điện thoại di động để chồng lên nhau, trong đó: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 màu đen loại 128Gb và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 plus màu xám loại 64Gb (là tài sản của anh Nguyễn Văn H3, sinh năm: 1979, trú tại KDC K2, phường A, thị xã K, tỉnh H ngụ trong chùa). C lấy 02 chiếc điện thoại cho vào túi quần đang mặc rồi đi ra ngoài. Sau đó, C đi xe ôm của một người đàn ông không quen biết đến khu vực ga Lai Khê, xã Cộng Hòa, huyện K1, tỉnh H. Tại đây, C bán 02 chiếc điện thoại cho 01 người phụ nữ không quen biết được số tiền 800.000 đồng, C đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 10/9/2020, Bùi Văn C đến Công an thị xã K khai nhận hành vi vi phạm tội nêu trên, ngoài ra C còn khai nhận:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 06/9/2020, Bùi Văn C đi bộ từ nhà đến chùa Ngũ Phương ở KDC Q – phường P – thị xã K – tỉnh H, mục đích trộm cắp tài sản. Khi đến chùa Ngũ Phương, C thấy cổng chùa mở, C đi vào sân chùa thấy tại phòng khách có bà Phạm Thị T1, sinh năm 1946, trú tại: KDC Q – phường P – thị xã K – tỉnh H đang ngồi viết sớ; trên mặt bàn uống nước ở sân chùa có một chiếc túi xách màu trắng của Bà T1. C đi đến mở túi xách ra thấy bên trong có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A3s- 16Gb màu tím và số tiền 1.000.000 đồng (gồm 03 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng và 04 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng), C lấy

chiếc điện thoại và 1.000.000 đồng cho vào túi quần đang mặc rồi đi ra ngoài theo lối đã vào. Đến ngày 07/9/2020, C bán chiếc điện thoại OPPO A3s, cho anh Đồng Văn B, sinh năm: 1976 (là chủ cửa hàng điện thoại Bính Huệ), địa chỉ: KDC L, phường P, thị xã K, tỉnh H được số tiền 1.000.000đồng, C đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã K số 81/HĐĐG ngày 11/9/2020 kết luận: 01 điện thoại Iphone 6Plus, loại 64Gb màu xám giá mua mới là 4.580.000 đồng x 82%= 3.755.600 đồng; 01 điện thoại Iphone 7, loại 128Gb màu đen giá mua mới là 4.600.000 đồng x 72%= 3.312.000 đồng. Tổng 7.067.600đồng.

Tại bản Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã K số 80/HĐĐG ngày 11/9/2020 kết luận: 01 điện thoại Oppo loại A3s-16GB, màu tím giá mua mới là 2.950.000đồng x 80% = 2.360.000 đồng .

Về vật chứng: Ngày 10/9/2020, anh Đồng Văn B đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã K: 01 chiếc điện thoại OPPO A3s- 16Gb màu tím. Đối với chiếc điện thoại Iphone 6Plus, màu xám và chiếc điện thoại Iphone 7 màu đen, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Ngày 16/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã K đã trả cho bà Phạm Thị T1 chiếc điện thoại OPPO A3s màu tím.

Về trách nhiệm dân sự: Bà T1 yêu cầu C phải bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn H3 yêu cầu C phải bồi thường giá trị của 02 chiếc điện thoại di động theo kết luận định giá tài sản số tiền 7.967.600 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Bùi Văn C đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 72/CT - VKS ngày 18/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân thị xã K đã truy tố bị cáo Bùi Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như VKSND thị xã K đã truy tố và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện VKSND thị xã K giữ nguyên Quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

- Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
- Đề nghị xử phạt: Bị cáo Bùi Văn C từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 10/9/2020.
- Về trách nhiệm dân sự:
 - + Buộc bị cáo Bùi Văn C phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1979, Trú tại: KDC K2, phường A, thị xã K, tỉnh H số tiền 7.067.600 đồng.
 - + Buộc bị cáo Bùi Văn C phải bồi thường cho bà Phạm Thị T1, sinh năm 1964, Trú tại: Q, phường P, thị xã K, tỉnh H số tiền 1.000.000 đồng.
 - + Buộc bị cáo Bùi Văn C phải bồi thường cho anh Đồng Văn B, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1979, đều trú tại: KDC L, phường P, thị xã K, tỉnh H số tiền 1.000.000 đồng.
- Về xử lý vật chứng: Không
- Án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thị xã K; Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn C thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị cáo tại quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với tang vật chứng đã thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian cuối tháng 8/2020 và đầu tháng 9/2020, bị cáo Bùi Văn C đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 04 giờ 30 phút, ngày 30/8/2020, tại chùa Ngũ Phương thuộc KDC Q, phường P, thị xã K, tỉnh H, Bùi Văn C lợi dụng đêm tối, bị cáo đã có hành vi **lén lút** chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1979, trú tại: KDC K2, phường A, thị xã K, tỉnh H 02 chiếc điện thoại di động gồm: 01 chiếc điện thoại Iphone 6 plus 64 GB, trị giá: 3.755.600đồng ; 01 chiếc điện thoại Iphone 7 loại 128 GB, trị giá: 3.312.000 đồng. Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là

7.067.600 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 06/9/2020, tại chùa Ngũ Phương thuộc KDC Q, phường P, thị xã K, tỉnh H, Bùi Văn C đã có hành vi **lén lút** chiếm đoạt của Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1964, Trú tại: Q, phường P, thị xã K, tỉnh H 01 chiếc điện Opp A3s – 16GB, trị giá: 2.360.000đồng và số tiền 1.000.000đồng.

Tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 10.427.600 đồng.

Hành vi lợi dụng sơ hở của người khác rồi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Bùi Văn C đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã K đã truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội : Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lấy tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, song do ham chơi, lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu sài cá nhân lên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là có dự mưu, bởi lẽ cả hai lần thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đều thực hiện ở Chùa, là nơi có sự nơ là về mặt quản lý tài sản. Bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, đã có hai lần bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy. Do vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4]Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Cả hai lần bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn nên bị cáo đều được áp dụng tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng được Hội đồng bộ trưởng tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặt khác Sau khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã nhận thức được sai phạm của mình bị cáo đã tự giác đến Công an thị xã K khai nhận về hành vi phạm tội của bị cáo. Thời điểm bị cáo tự khai nhận hành vi phạm tội của bản thân, cả hai hành vi bị cáo khai nhận đều chưa bị phát hiện. Hành vi tự giác khai báo của bị cáo thuộc trường hợp người phạm tội tự thú quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là đối tượng không có công việc và thu nhập nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị cáo chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn H3 gồm: 01 chiếc điện thoại Iphone 6 plus 64 GB và 01 chiếc điện thoại Iphone 7 loại 128 GB không thu hồi được. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh Hùng đề nghị Tòa án buộc bị cáo phải trả cho anh giá trị hai chiếc điện thoại theo giá trị mà Hội đồng định giá đã xác định. Do vậy, cần buộc bị cáo C phải bồi thường cho anh Hùng giá trị hai chiếc điện thoại bị cáo đã chiếm đoạt là 7.067.600 đồng.

Đối với tài sản bị cáo chiếm đoạt của Bà T1 gồm: 01 chiếc điện thoại Oppo loại A3s và số tiền 1.000.000đồng. Đối với chiếc điện thoại Oppo loại A3s đã thu hồi và trả lại cho người bị hại là Bà T1. Đến nay Bà T1 tiếp tục yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1.000.000đồng. Do vậy, cần buộc bị cáo C phải bồi thường cho Bà T1 số tiền 1.000.000 đồng.

Đối với chiếc điện thoại Oppo loại A3s, bị cáo chiếm đoạt của Bà T1. Sau khi có được tài sản, bị cáo đã mang chiếc điện thoại Oppo loại A3s đến cửa hàng điện thoại của gia đình anh Đồng Văn B, địa chỉ: KDC L, phường P, thị xã K, tỉnh H bán được 1.000.000đồng. Quá trình điều tra, xác định, khi mua chiếc điện thoại Oppo loại A3s, anh Bính không biết đây là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Hiện chiếc điện thoại Oppo loại A3s đã được cơ quan điều tra quản lý và trả cho người bị hại. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh Bính yêu cầu bị cáo C phải hoàn trả cho anh số tiền 1.000.000đồng, số tiền anh đã bỏ ra mua điện thoại. Do vậy, cần buộc bị cáo C phải bồi thường cho anh Bính số tiền 1.000.000 đồng, là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Xử lý vật chứng: Tài sản thu giữ đã trả lại cho người bị hại Thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của bị cáo C, kết quả trình điều tra xác định: Sau khi bị cáo chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 7 màu đen loại 128Gb và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 plus màu xám loại 64Gb của anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1979, trú tại KDC K2, phường A, thị xã K, tỉnh H bị cáo đã gặp và bán hai chiếc điện thoại cho 01 người phụ nữ không quen, ở khu vực Lai Khê, Cộng Hòa, huyện K1, tỉnh H được số tiền 800.000 đồng. Bị cáo không biết người

phụ nữ đã mua hai điện thoại là ai. Do vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã K không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ:* khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

- *Căn cứ:* Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Bùi Văn C phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- *Hình phạt chính:*

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn C 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, ngày 10/9/2020.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo Bùi Văn C phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1979, Trú tại: KDC K2, phường A, thị xã K, tỉnh H số tiền 7.067.600 đồng.

+ Buộc bị cáo Bùi Văn C phải bồi thường cho bà Phạm Thị T1, sinh năm 1964, Trú tại: Q, phường P, thị xã K, tỉnh H số tiền 1.000.000 đồng.

+ Buộc bị cáo Bùi Văn C phải bồi thường cho anh Đồng Văn B, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1979, đều trú tại: KDC KDC L, phường P, thị xã K, tỉnh H số tiền 1.000.000 đồng.

Kể từ thời điểm người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo không thi hành số tiền phải bồi thường thì bị cáo còn phải chịu lãi suất chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất do chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

- *Án phí:* Bị cáo Bùi Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 453.380 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- *Quyền kháng cáo:* Án xử công khai sơ thẩm; có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại, vắng mặt người có quyền lợi liên quan. Đã báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- VKSND thị xã K;
- VKSND tỉnh H;
- Công an thị xã K;
- Trại tạm giam Công an tỉnh H.
- Chi cục THADS thị xã K.
- Sở Tư pháp tỉnh H.
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Khánh